

## BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh Quý I và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm Quý II – Năm 2019 của tỉnh Điện Biên**

### PHẦN THỨ I

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH TRONG QUÝ I NĂM 2019

Trong Quý I năm 2019, các ngành, các cấp đã tập trung hoàn thành công tác giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và dự toán ngân sách năm 2019; Triển khai thực hiện chương trình, giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách năm 2019 theo Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019, của Chính phủ và Nghị quyết số 95/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời lãnh đạo tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các cấp các ngành triển khai thực hiện kế hoạch ngay từ những tháng đầu năm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh Quý I năm 2019 của tỉnh Điện Biên trên các ngành và lĩnh vực như sau:

### I. LĨNH VỰC KINH TẾ

Trong 03 tháng đầu năm 2019, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước đạt 2.659 tỷ 612 triệu đồng, tăng 6,35% so với cùng kỳ năm trước, đạt 23,7% so với kế hoạch. Trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 295 tỷ 590 triệu đồng, tăng 4,36%; khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 737 tỷ 975 triệu đồng, tăng 6,7%; khu vực dịch vụ đạt 1.572 tỷ 806 triệu đồng, tăng 6,56%, Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 53,2 tỷ đồng, tăng 6,77% cùng kỳ năm trước.

#### 1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

##### a) Về sản xuất nông nghiệp:

*Lúa đông xuân:* Đến nay toàn tỉnh đã gieo cấy được 9.612,5ha, tăng 6,68% so với cùng kỳ năm trước, đạt 102,09% kế hoạch.

*Các loại cây hoa màu vụ đông xuân:* Dự ước đến hết tháng 3 toàn tỉnh gieo trồng được: Ngô 508,10 ha tăng 38,52% so với cùng kỳ năm trước; Lạc 172,8 ha tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước.

*Cây công nghiệp dài ngày:* Tổng diện tích cây chè búp 596,89 ha, tăng 1,96 ha so với cùng kỳ năm trước, đạt 100% kế hoạch; diện tích cao su giữ nguyên không biến động so với năm trước 5.126,6 ha, đạt 100% kế hoạch; Tổng diện tích cây cà phê 3.944,22 ha, tăng 54,20 ha (1,38%) so với cùng kỳ năm trước, đạt 99,23% kế hoạch.

*b) Về chăn nuôi:* Dự ước số gia súc, gia cầm trong tháng 3 như sau: Trâu 131.687 con, tăng 3,14% so với cùng kỳ năm trước; Bò 70.451 con, tăng 8,07% so với cùng kỳ năm trước; Lợn 408.958 con, tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước; gia cầm 4.226 nghìn con, tăng 7,00% so với cùng kỳ năm trước.

*c) Lâm nghiệp:* Dự ước sản lượng gỗ khai thác quý I là 3.663m<sup>3</sup>, giảm 1,53% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý I, công tác trồng rừng mới đang được triển khai khảo sát, thiết kế và chuẩn bị cây giống để trồng rừng vào các tháng mùa mưa, triển khai các biện pháp phòng chống cháy rừng trên phạm vi toàn tỉnh.

*d) Về thủy sản:* Diện tích nuôi trồng thủy sản hiện có 2.283,37 ha, tăng 3,96% so với cùng kỳ năm trước, đạt 98,63% kế hoạch. Dự ước sản lượng thủy sản quý I/2019 đạt 788,42 nghìn tấn, tăng 7,16% so với cùng kỳ năm trước, đạt 24,03% kế hoạch.

**2. Về sản xuất công nghiệp- xây dựng:** Dự ước GTSX công nghiệp quý I theo giá so sánh năm 2010 đạt 638,3 tỷ đồng, tăng 9,12% so với cùng kỳ năm trước, công nghiệp chế biến tăng 8,41%; sản xuất phân phối điện, gas tăng 20,54%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 3,84%, công nghiệp khai thác mỏ tăng 1,42%. Hoạt động sản xuất công nghiệp có dấu hiệu tích cực. Lãi suất và cơ chế cho vay vốn của các Ngân hàng khá linh hoạt là những thuận lợi cơ bản cho duy trì ổn định sản xuất và phát triển sản xuất của ngành công nghiệp.

### **3. Về thương mại - giá cả, dịch vụ và vận tải**

*a) Thương mại và dịch vụ du lịch:* Hoạt động thương mại và dịch vụ trong quý I năm 2019 ổn định và có mức tăng khá so với cùng kỳ năm trước. Dự ước tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh trong quý I theo giá hiện hành đạt 2.984,5 tỷ đồng, tăng 15,97% so với cùng kỳ năm trước, đạt 23,39% kế hoạch năm.

*Hoạt động du lịch:* Lượng khách đến Điện Biên trong quý I ước đạt trên 297 ngàn lượt, đạt 35,8% kế hoạch năm, tăng 7,6% so với cùng kỳ 2018; trong đó khách quốc tế đạt 56,9 ngàn lượt, đạt 31,6% kế hoạch năm, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập xã hội từ hoạt động du lịch ước đạt khoảng 416,8 tỷ đồng, đạt 30,6% kế hoạch năm, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước.

*b) Hoạt động xuất - nhập khẩu:*

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn quý I ước đạt 13,5 triệu USD, tăng 31,07% so với cùng kỳ năm trước và đạt 27% kế hoạch năm. Trong đó xuất khẩu hàng hoá địa phương ước đạt 7 triệu USD, ngoài địa phương ước đạt 6,5 triệu USD. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Xi măng Điện Biên, vật liệu xây dựng các loại, hàng hóa khác

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn quý I ước đạt 7,7 triệu USD đạt 23,33 % kế hoạch năm. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Máy móc thiết bị, Gỗ các loại và các sản phẩm nông sản (bông chít, củ khúc khắc...) và hàng hóa tiêu dùng khác.

c) *Chỉ số giá tiêu dùng*: Chỉ số giá tiêu dùng quý I/2019, tăng 3,47% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá các nhóm hàng đều tăng so với cùng kỳ năm trước từ 0,3% đến trên 9,38%, trong đó tăng cao nhất là thực phẩm, lương thực là 9,38%; 6,21%...

#### d) *Vận tải và bưu chính viễn thông*

Dự ước quý I/2019, doanh thu của hoạt động vận tải theo giá hiện hành là 218,03 tỷ đồng, tăng 20,56% so cùng kỳ năm trước; khối lượng vận chuyển hành khách là 540,9 nghìn lượt, tăng 23,85% so với cùng kỳ năm trước, khối lượng luân chuyển hành khách là 100,8 triệu KH.Km, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm trước; Khối lượng vận chuyển hàng hóa là 1.039 nghìn tấn, tăng 19,88% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng luân chuyển hàng hóa là 47,028 triệu T.Km, so với cùng kỳ năm trước tăng 20,68%.

Doanh thu bưu chính viễn thông quý I theo giá hiện hành ước đạt 121.21 tỷ đồng (*doanh thu bưu chính đạt 35,5 tỷ đồng, viễn thông đạt 85,71 tỷ đồng*) tăng 29,7% so với cùng kỳ năm trước. Số thuê bao điện thoại hiện có đến cuối kỳ báo cáo 579.598 thuê bao (thuê bao cố định 10.752 thuê bao; thuê bao di động 568.846 thuê bao); số thuê bao internet có đến cuối kỳ báo cáo đạt 37.494 thuê bao.

### **4. Hoạt động tài chính - ngân hàng**

Trong quý I đã tập trung triển khai các nhóm giải pháp quản lý tiền tệ, tài khóa theo Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ; Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 08/01/2019 của NHNN; Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 07/01/2019 của NHNN, chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện các Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Các ngân hàng trên địa bàn thực hiện nghiêm túc quy định lãi suất tiền gửi, lãi suất cho vay mới ở mức hợp lý. Ưu tiên tập trung vốn hỗ trợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, các dự án có hiệu quả, góp phần ổn định và thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

Tổng nguồn vốn tín dụng huy động của các ngân hàng ước đạt đến 31/03/2019 là 9.828 tỷ đồng, tăng 4,54% so với năm trước cùng kỳ năm trước. Tổng dư nợ tín dụng ước thực hiện đến 31/03/2019 là 18.318 tỷ đồng, tăng 0,3% so 31/12/2018; Nợ xấu chiếm 1,06% tổng dư nợ.

Ước thực hiện Quý I/2019: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 300.600 triệu đồng, đạt 26,48% dự toán HĐND tỉnh giao. Ước thực hiện chi NSDP Quý I/2019: 2.523.120 triệu đồng, đạt 27,84% dự toán. Trong đó: Chi đầu tư: 322.800 triệu đồng đạt 14,72% Kế hoạch vốn giao. Chi thường xuyên: 1.600.320 triệu đồng, đạt 23,13% dự toán.

**5. Về phát triển doanh nghiệp:** Từ đầu năm đến nay đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 23 doanh nghiệp, với tổng số vốn 690 tỷ đồng; cấp Giấy chứng nhận hoạt động cho 8 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; đăng ký thay đổi, bổ sung cho 31 lượt doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện. Nâng tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh lên 1.256 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký 21.241 tỷ đồng và 196 chi nhánh, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp đăng ký hoạt động tại địa phương.

**6. Về thu hút đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh:** Từ đầu năm đến nay đã phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án, tổng số vốn đăng ký đầu tư 26 tỷ 640 triệu đồng; tiếp tục vận động xúc tiến đầu tư vào các lĩnh vực của tỉnh có lợi thế như: năng lượng, thương mại dịch vụ, nông nghiệp và PTNT.v.v..

Tiếp tục tập trung chỉ đạo xây dựng, ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.

## **7. Lĩnh vực đầu tư phát triển**

### **7.1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2019**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2018 do địa phương quản lý là 2.750 tỷ 345 triệu đồng (trong đó: *Vốn được giao năm 2018 là 2.458 tỷ 798 triệu đồng, vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2017 sang năm 2018 là 241 tỷ 546 triệu đồng*). Đến thời điểm báo cáo UBND tỉnh Điện Biên đã triển khai thực hiện giải ngân (đến ngày 31/01/2019) là 2.088 tỷ 320 triệu đồng, đạt 77,34% so với kế hoạch vốn giao, cụ thể như sau:

**1. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:** Tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương năm 2018 là 643 tỷ 367 triệu đồng (trong đó: *Vốn được giao từ năm 2018 là 628 tỷ 530 triệu đồng, vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2017 sang năm 2018 là 14 tỷ 837 triệu đồng*). Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 556 tỷ 640 triệu đồng, đạt 87% kế hoạch vốn giao.

**2. Nguồn vốn ngân sách trung ương:** Tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2018 là 2.056 tỷ 977 triệu đồng (trong đó: *Vốn được giao năm 2018 là 1.830 tỷ 268 triệu đồng, vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2017 sang năm 2018 là 226 tỷ 709 triệu đồng*). Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 1.529 tỷ 105 triệu đồng, đạt 74% kế hoạch vốn, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018 là 445 tỷ 777 triệu đồng (trong đó: *Vốn được giao năm 2018 là 414 tỷ 169 triệu đồng, vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2017 sang năm 2018 là 31 tỷ 608 triệu đồng*). Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 416 tỷ 021 triệu đồng, đạt 93% kế hoạch vốn giao.

- Vốn đầu tư theo các Chương trình mục tiêu năm 2018 là 254 tỷ 058 triệu đồng (trong đó: Vốn được giao từ năm 2018 là 225 tỷ đồng, vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2017 sang năm 2018 là 29 tỷ 058 triệu đồng). Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 221 tỷ 946 triệu đồng, đạt 87% kế hoạch vốn.

- Vốn đầu tư Chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTĐ năm 2018 là 41 tỷ 100 triệu đồng. Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 34 tỷ 988 triệu đồng, đạt 85% kế hoạch vốn.

- Nguồn dự phòng từ NSTW tổng số vốn năm 2018 được giao là 235 tỷ 800 triệu đồng (trong đó: Vốn được giao từ năm 2018 là 185 tỷ 800 triệu đồng, vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2017 sang năm 2018 là 50 tỷ đồng). Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 169 tỷ 999 triệu đồng, đạt 72% kế hoạch vốn.

- Vốn trái phiếu Chính phủ năm 2018 là 809 tỷ 083 triệu đồng (trong đó: Vốn được giao từ đầu năm 2018 là 693 tỷ 040 triệu đồng, vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2017 sang năm 2018 là 116 tỷ 043 triệu đồng). Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 505 tỷ 454 triệu đồng, đạt 62% kế hoạch vốn. Trong đó:

+ Vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư cho lĩnh vực giao thông vận tải năm 2018 bố trí cho 01 dự án Đường Na Sang (Km146+200/QL.12) - TT. xã Huổi Mí - Nậm Mực (Km452+300/QL.6) - Thị trấn Tủa Chùa - Huổi Lóng, tỉnh Điện Biên (Phân đoạn TT. Tủa Chùa - Nậm Mực - Huổi Mí) là 520 tỷ 588 triệu đồng (trong đó: Vốn được giao năm 2018 là 480 tỷ 876 triệu đồng, vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2017 sang năm 2018 là 39 tỷ 712 triệu đồng). Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 254 tỷ 554 triệu đồng, đạt 49% kế hoạch vốn giao.

+ Vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư cho Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học năm 2018 bố trí cho 70 dự án với tổng vốn đầu tư là 288 tỷ 495 triệu đồng (trong đó: Vốn được giao năm 2018 là 212 tỷ 164 triệu đồng, vốn được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2017 sang năm 2018 là 76 tỷ 331 triệu đồng). Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 250 tỷ 900 triệu đồng, đạt 87% kế hoạch vốn giao.

- Vốn nước ngoài năm 2018 là 271 tỷ 159 triệu đồng. Lũy kế số vốn đã giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/01/2019 là 183 tỷ 272 triệu đồng, đạt 67,59% kế hoạch vốn.

## **7.2. Tình hình triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2019**

**7.2.1. Công tác giao kế hoạch vốn:** Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2019 do tỉnh quản lý 1.769.523 đồng, trong đó vốn trong nước đã giao 1.614.269 triệu đồng; vốn nước ngoài 155.254 triệu đồng. Cụ thể:

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương là: 645.975 triệu đồng, đạt 100 % kế hoạch năm.

+ Các chương trình mục tiêu là: 195.131 triệu đồng, đạt 100 % kế hoạch năm.

+ Vốn nước ngoài (ODA): 155.254 triệu đồng, bằng 100 % kế hoạch năm.

+ Vốn TPCP : 60.390 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch năm.

+ Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia: 712.773 triệu đồng, trong đó địa phương đã giao 712.773 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch năm; *trong đó: bố trí 41 tỷ 744 triệu đồng để thu hồi các khoản vốn ứng trước.*

### **7.2.2. Tình hình thực hiện và giải ngân**

Thực hiện giải ngân tổng số vốn là 284 tỷ 594 triệu đồng, đạt tỷ lệ 16,1%/KH vốn giao, trong đó: Vốn cân đối NSĐP đạt 154,312 tỷ đồng, đạt 23,9%KH; Vốn hỗ trợ các chương trình mục tiêu giải ngân đạt 53,13 tỷ đồng đạt 27,2% KH; Vốn chương trình MTQG tỷ lệ giải ngân thấp, vốn TPCP chưa giải ngân. Dự ước khả năng giải ngân quý I/2019 ước đạt 726.974 triệu đồng đạt 41,1% KH giao.

## **8. Tình hình triển khai thực hiện một số công trình trọng điểm trên địa bàn**

a) *Dự án bổ sung đoạn tuyến từ Đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua (Đường 60m) thuộc Dự án di dân TĐC thủy điện Sơn La:* Công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng UBND thành phố Điện Biên Phủ đang phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường lập tiến độ chi tiết triển khai công tác GPMB và xây dựng 04 điểm tái định cư dọc trục đường 60m và rà soát khối lượng hoàn thành đủ điều kiện nghiệm thu thanh toán.

b) *Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung:* Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân; về công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án: Hoàn thiện hồ sơ thực hiện việc cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất đối với những hộ gia đình cá nhân cố tình chống đối việc thực hiện thu hồi đất trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy định trình tự thủ tục của pháp luật về thu hồi đất.

c) *Đề án sắp xếp, ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé:* Trên cơ sở nội dung Đề án điều chỉnh được phê duyệt theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục tổng hợp nhu cầu vốn đề xuất các Bộ, ngành Trung ương bố trí vốn để triển khai thực hiện Đề án, trong đó tập trung bố trí cho các điểm bản mới chưa được đầu tư công trình hạ tầng hoàn thiện; các dự án đang triển khai thực hiện dở dang. Đối với các điểm bản đã di chuyển bố trí sắp xếp dân cư khẩn trương thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các hộ chuyển đến. Tiếp tục đề nghị Trung ương tháo gỡ vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn sự nghiệp, tiếp tục tuyên truyền vận động và di chuyển lấp đầy các điểm bản đã được đầu tư cơ sở hạ tầng theo phương án quy hoạch...

d) *Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới*: Tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2019 theo kế hoạch số 3055/KH-UBND ngày 22/10/2018. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm”; hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nhất là sản xuất nông nghiệp sạch - an toàn để tăng thu nhập người dân nông thôn một cách bền vững. Tổ chức thẩm định, xét công nhận các xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018, tính đến hết năm 2018, toàn tỉnh có 18/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 4 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới. Chỉ đạo xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện xã, thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu; Bộ tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới (áp dụng cho các xã chưa hoàn thành các tiêu chí để xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới) và Bộ tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu (áp dụng đối với các xã đã hoàn thành xây dựng nông thôn mới); bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và nâng cao trên địa bàn tỉnh.

đ) *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*: Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn cấp xã triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo. Triển khai có hiệu quả các dự án về truyền thông. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị chủ đầu tư tập trung hoàn tất các thủ tục về lựa chọn nhà thầu dự án để sớm thực hiện khởi công xây dựng công trình, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình.

e) *Đường Na Sang (Km146+200/QL.12) - TT xã Huổi Mí - Pú Xi - Nậm Múc (Km450/QL.6) - Km456/QL.6 - Thị trấn Tủa Chùa - Huổi Lóng, tỉnh Điện Biên (Phân đoạn TT. Tủa Chùa - Nậm Múc - Huổi Mí)*: Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng, chỉ đạo chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ chuyển đổi mục đích rừng và đất lâm nghiệp hoàn thiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu hồi giao đất. Chỉ đạo đôn đốc tổ chức triển khai thực hiện và giải ngân theo đúng kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

f) *Các dự án thực hiện theo hình thức PPP*: Sau khi có Nghị định hướng dẫn việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án BT, và hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ ngành trung ương, UBND tỉnh sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện các dự án theo quy định. Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh việc kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh; đồng thời hướng dẫn các Nhà đầu tư đề xuất dự án tiến hành lập các dự án đầu tư theo đúng các quy định của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

g) *Các Đề án, dự án đăng ký báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng*: Đề án “Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ đến năm 2030” và các dự án: “Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Mường Phăng”; dự án “Đền thờ các anh hùng liệt sỹ hy sinh trong Chiến dịch Điện Biên Phủ” đã được Tỉnh báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng xem xét; sau khi có ý kiến trả lời bằng văn bản của Ban Bí thư Trung ương, UBND tỉnh sẽ căn cứ nội dung

chủ trương được chấp thuận để chỉ đạo các Sở, ban ngành liên quan triển khai thực hiện Đề án, dự án phù hợp với tình hình điều kiện nguồn lực thực tế.

*h. Đối với Đề án “Ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La”:*

Tiếp tục kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương cân đối phân bổ vốn cho tỉnh triển khai Đề án. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã thành phố triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và triển khai thực hiện đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây mới đối với các công trình theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ đối với vùng đồng bào tái định cư thủy điện Sơn La.

*i) Triển khai thực hiện quy hoạch Cảng hàng không Điện Biên:* Tiếp tục làm việc với các bộ ngành trung ương để đề xuất giao UBND tỉnh làm chủ đầu tư dự án. Xây dựng tiến độ tổng thể và tiến độ cụ thể từng hạng mục công việc triển khai thực hiện dự án, tiếp tục chỉ đạo triển khai công tác GPMB, nhu cầu tái định cư liên quan đến nâng cấp cảng hàng không Điện Biên (bao gồm nhu cầu tái định cư trong phạm vi quy hoạch xây dựng nâng cấp Cảng hàng không Điện Biên và các đối tượng ảnh hưởng của tỉnh không sân bay) trên cơ sở Quy hoạch chung thành phố Điện Biên Phủ, Quy hoạch nông thôn mới các xã thuộc huyện Điện Biên và các quy hoạch, dự án liên quan. Triển khai hoàn thành việc lập quy hoạch phân khu phía Tây Bắc gắn với Quy hoạch Cảng hàng không Điện Biên Phủ để phục vụ cho việc triển khai dự án nâng cấp Sân bay Điện Biên Phủ theo quy hoạch.

*k) Chương trình phát triển đô thị vay vốn WB:* Tiếp tục tập trung chỉ đạo các đơn vị tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong GPMB; tập trung thi công đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng tiến độ triển khai thực hiện Chương trình đã cam kết với Nhà tài trợ.

## II. LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI

### 1. Về Giáo dục - đào tạo giữa năm học 2018-2019

*a) Giáo dục:* Ngành Giáo dục đã chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ rà soát, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập<sup>1</sup>. Toàn tỉnh hiện có 510 trường, 1.384 điểm trường với 7.144 lớp và 189.107 học sinh<sup>(2)</sup>; so với năm học 2017-2018, toàn tỉnh giảm 03 trường tại huyện Điện Biên, 260 lớp và tăng 5.099 học sinh (mầm non và phổ thông). Các chỉ tiêu huy động dân số trong độ tuổi đến trường (trừ tỷ lệ huy động trẻ từ 3 tháng tuổi đến dưới 36 tháng tuổi, trẻ 3-5 tuổi) đều đạt và vượt kế hoạch giao<sup>(3)</sup>.

<sup>1</sup> Thực hiện sáp nhập giảm 07 Trung tâm GDTX cấp huyện để thành lập Trung tâm GDNN-GDTX (qua đó giảm 14 cán bộ quản lý và 63 viên chức, 17 nhân viên hợp đồng). Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên thực hiện sáp nhập giảm 03 đơn vị; phòng GD&ĐT Mường Nhé đã tham mưu HĐND huyện Nghị quyết sáp nhập giảm 03 đơn vị; phòng GD&ĐT Tủa Chùa đã tham mưu trình UBND huyện ban hành Đề án rà soát, sắp xếp giảm 07 đơn vị; các đơn vị khác đang rà soát, tham mưu trình HĐND-UBND huyện ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp.

<sup>(2)</sup> Gồm: Mầm non có 176 trường với 58.283 trẻ. Tiểu học có 173 trường với 68.990 học sinh. THCS có 128 trường với 45.176 học sinh. THPT có 33 trường với 16.658 học sinh.

<sup>(3)</sup> Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 tháng đến dưới 36 tháng tuổi ra lớp đạt 35,8%; trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi ra lớp đạt 98,5%; trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,6%. Tiểu học: Tỷ lệ huy động dân số 6 tuổi vào lớp 1 đạt

Kết quả đánh giá chất lượng học kì I năm học 2018-2019: Đối với giáo dục Mầm non: 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. 100% cơ sở GDMN thực hiện tốt chương trình GDMN theo chế độ sinh hoạt học 2 buổi/ngày. 100% trẻ học 2 buổi/ngày; 97,7% trẻ ăn bán trú tại trường. Đối với cấp tiểu học: học sinh hoàn thành chương trình môn Tiếng Việt đạt 95,9%; học sinh hoàn thành chương trình môn Toán đạt 96,2%; tổng số học sinh được đánh giá 68.531 học sinh, số học sinh khuyết tật không đánh giá 639 em. Đối với cấp THCS, THPT: chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục ổn định và dần được nâng cao; có 17 học sinh đạt giải thi học sinh giỏi cấp quốc gia (trong đó 11 giải giải ba và 06 giải khuyến khích). Số trường đạt chuẩn quốc gia hiện có 326 trường (trong đó có 105 trường mầm non và 221 trường phổ thông).

Công tác phổ cập giáo dục - xóa mù chữ tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Tính đến tháng 12/2018, 100% đơn vị hành chính cấp xã và cấp huyện duy trì vững chắc kết quả xóa mù chữ mức độ 1, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập GDTH mức độ 1 và PCGD THCS mức độ 1, số đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn PCGD Tiểu học mức độ 3 và PCGD THCS mức độ 2 tiếp tục tăng. Hiện tại có 97/130 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; 130/130 xã đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 2; 105/130 xã và 03/10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3; 126/130 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2; 31/130 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

*b) Về Đào tạo:*

- Các trường cao đẳng đã thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo phục vụ phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh. Quy mô đào tạo chính quy của 03 trường cao đẳng năm học 2018-2019 là 1.515 học sinh, sinh viên; trong đó tuyển mới đào tạo 491 học sinh, sinh viên, chỉ đạt 27,7% chỉ tiêu tuyển mới kế hoạch năm gồm: cao đẳng 292 chỉ tiêu, trung cấp 199 chỉ tiêu (trong đó: Trường CĐ Sư phạm 163 chỉ tiêu, Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật 131 chỉ tiêu và Trường CĐ Y tế 179 chỉ tiêu); kết quả thực hiện đạt rất thấp là do các nguyên nhân cơ bản sau: Không có nguồn tuyển sinh; sinh viên ra trường không xin được việc làm.

- Đồng thời, các trường tiếp tục triển khai tốt kế hoạch thực hiện Đề án hợp tác đào tạo với các tỉnh Bắc Lào; Đề án hợp tác đào tạo với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, Đề án đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh Điện Biên tại các tỉnh Bắc Thái Lan, giai đoạn 2016-2025.

## **2. Về Y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân**

*a) Công tác phòng chống dịch bệnh - tình hình dịch bệnh:*

- Công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện nghiêm túc, chủ động, tích cực, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn. Trong 3 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ dịch với 68 ca mắc, không

---

99,9%; 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,8%. THCS: Tỷ lệ dân số 11 tuổi vào lớp 6 đạt 96,9%; 11-14 tuổi học THCS đạt 95,5%. THPT: Tỷ lệ dân số 15 tuổi đi học lớp 10 đạt 60,7%; 15-18 tuổi học THPT và tương đương đạt 63%.

có tử vong; tình hình dịch bệnh được kiểm soát, xử lý kịp thời không để dịch lây lan ra diện rộng.

- Các hoạt động phòng chống HIV/AIDS được triển khai theo kế hoạch. Tuy nhiên, tình hình nhiễm HIV/AIDS vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Tính đến 10/03/2019 có 7.288 ca nhiễm HIV, trong đó số mắc mới trong kỳ là 20 ca (giảm 45 ca so với cùng kỳ); số nhiễm HIV chuyển giai đoạn AIDS tích lũy là 5.339 ca; tử vong do AIDS tích lũy là 3.683 ca; số ca nhiễm HIV còn sống quản lý được 95,6%; tỷ lệ nhiễm HIV còn sống/dân số 0,59%.

b) *Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm*: Trong 3 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn tỉnh không để xảy ra ngộ độc thực phẩm; qua các cuộc thanh, kiểm tra, tỷ lệ cơ sở vi phạm giảm so với cùng kỳ năm trước; Đã tiến hành thanh, kiểm tra có 2.155/2.208 cơ sở đạt yêu cầu, chiếm 97,6% (cùng kỳ năm 2018 có 98,3% cơ sở được kiểm tra đạt yêu cầu).

### **3. Về hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và thông tin - truyền thông**

- Công tác thông tin, tuyên truyền được triển khai tốt, đúng định hướng, nội dung thông tin phong phú, có chất lượng, phản ánh mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của tỉnh; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng năm mới 2019 diễn ra sôi nổi, rộng khắp các địa bàn huyện thị, thành phố trong tỉnh, tạo không khí vui tươi phấn khởi trong đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Tiêu biểu là Chương trình nghệ thuật "Mừng đất nước đổi mới, Mừng Đảng quang vinh, Mừng xuân Kỷ Hợi năm 2019"; Tiếp tục duy trì biểu diễn văn nghệ tối thứ 7 hàng tuần tại sân hành lễ Tượng đài Chiến thắng Điện Biên Phủ phục vụ nhu cầu thưởng thức văn hóa dân tộc cho đông đảo quần chúng nhân dân khu vực và du khách khi đến tham quan Điện Biên. Tổ chức các hoạt động đón Xuân Kỷ Hợi, Lễ hội Hoa Ban năm 2019 với nhiều hoạt động nổi bật như: Giao lưu thi đấu các môn thể thao các dân tộc; Trình diễn nghi thức sinh hoạt văn hóa dân gian các dân tộc; Liên hoan dân ca, dân vũ, nhạc cụ các dân tộc; Trưng bày, quảng bá sản phẩm du lịch; Thi xe đạp thô và tải đạn. Đặc biệt, nét mới trong Lễ hội năm nay, Ban tổ chức đã tổ chức "Phiên chợ vùng cao" nhằm tái hiện lại chợ phiên vùng cao của đồng bào các dân tộc vùng Tây Bắc, phác họa chân thật không gian văn hóa, sinh hoạt truyền thống của các dân tộc, Người đẹp Hoa Ban,...

- *Về thể dục, thể thao*: Phong trào TDTT quần chúng trong nhân dân, CCVC và người lao động toàn tỉnh tiếp tục được duy trì, phát triển<sup>4</sup>. Đối với Thể thao thành tích cao: tiếp tục tập trung duy trì công tác huấn luyện và đào tạo các đội tuyển năng khiếu tuyển II với tổng số 129 VĐV gồm các môn: Cầu lông 32 VĐV, cờ vua 02 VĐV, võ Karatedo 40 VĐV, võ cổ truyền 05 VĐV, bóng đá 50 VĐV.

**4. Về Lao động - Thương binh và Xã hội**: Công tác xóa đói giảm nghèo, các chính sách an sinh xã hội thực hiện có hiệu quả, tập trung chăm lo đời sống

<sup>4</sup> Toàn tỉnh tổ chức 131 giải thi đấu, trong đó cấp tỉnh 04 giải. Có 157.355 người tập luyện TDTT thường xuyên, chiếm 27,5% trên tổng số dân toàn tỉnh, 20.158 hộ gia đình thể thao chiếm 16,95% trên tổng số gia đình toàn tỉnh. 382 Câu lạc bộ TDTT cơ sở.

vật chất, tinh thần cho nhân dân; đã tổ chức thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng chính sách người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019<sup>5</sup> đảm bảo cho các gia đình chính sách, gia đình khó khăn đều được ăn Tết và đón xuân vui vẻ.

- Về giải quyết việc làm và đào tạo nghề: Ước trong quý I năm 2019 giải quyết việc làm mới cho khoảng 2.067 lao động, đạt 23,9% kế hoạch năm. Tuyển mới và đào tạo nghề cho 1.384 người đạt 17,5% kế hoạch năm (trong đó: Sơ cấp là 280 người; Đào tạo nghề thường xuyên dưới 3 tháng là 1.104 người).

### **III. QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI**

#### **1. Về công tác Quốc phòng - an ninh**

Hoàn thành tốt công tác tuyên quân năm 2019, thực hiện tốt công tác quân sự địa phương, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh trên các tuyến biên giới và nội địa được giữ vững, ổn định. Thế trận phòng thủ tỉnh, huyện và cơ sở tiếp tục được củng cố, kiện toàn. Các mục tiêu chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và các hoạt động văn hóa thể thao diễn ra trên địa bàn tỉnh được đảm bảo an toàn.

#### **2. Công tác đảm bảo an ninh trật tự**

Các ngành chức năng tích cực triển khai thực hiện kế hoạch trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, kinh tế, môi trường; Phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, giải quyết các vấn đề lợi dụng tôn giáo, dân di cư tự do, vi phạm quy chế biên giới... phòng ngừa, đấu tranh với các hoạt động tuyên truyền lập "Vương quốc Mông"; triển khai kế hoạch giải quyết tình trạng phá rừng và di cư tự do tại huyện Mường Nhé.

#### **3. Hoạt động công tác đối ngoại**

Triển khai Kế hoạch đối ngoại năm 2019, duy trì tốt mối quan hệ giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Lào trên các lĩnh vực; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, các tỉnh phía bắc Thái Lan.

Duy trì và tăng cường mối quan hệ quốc tế với các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế nhằm thu hút, kêu gọi các nguồn viện trợ phát triển cho tỉnh; Tạo điều kiện thuận lợi và tổ chức tốt các cuộc họp với các phái đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh theo các chương trình, dự án.

### **IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN**

#### **1. Công tác tư pháp**

Công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật tiếp tục được tăng cường, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, bảo đảm các văn bản, chương trình, dự án, Kế hoạch do HĐND, UBND ban hành được thực thi nghiêm chỉnh, thống nhất.

---

<sup>5</sup> Toàn tỉnh đã tổ chức thăm hỏi tặng 4.074 suất quà, với số tiền 1.095,9 triệu đồng (Trong đó: quà của Chủ tịch nước 1.459 suất = 296 triệu đồng; quà của tỉnh 69 suất = 42,6 triệu đồng; quà của huyện, thị xã, thành phố 1.551 suất = 445,1 triệu đồng; quà của xã, phường, các tổ chức cá nhân 995 suất quà = 312 triệu đồng).

Tăng cường quản lý hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, giám định tư pháp; bảo đảm minh bạch và an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự; hỗ trợ công dân tiếp cận dịch vụ pháp lý để bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

## **2. Công tác thanh tra, giải quyết KNTC và Phòng chống tham nhũng lãng phí**

Trong quý I/2019 các cấp các ngành đã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện tốt chương trình thanh tra theo kế hoạch; phối hợp chặt chẽ kịp thời phát hiện, xử lý các vụ việc phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân ngay từ cơ sở. Phát huy vai trò của nhân dân, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, của báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; có chính sách, biện pháp bảo vệ người dũng cảm đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

## **3. Công tác cải cách hành chính**

Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức, cán bộ trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành. Tổng kết, đánh giá cải cách hành chính và công tác thi đua năm 2018, xây dựng phương hướng nhiệm vụ và ký giao ước thi đua năm 2019; Tổng kết, đánh giá cải cách hành chính và công tác thi đua năm 2018, xây dựng phương hướng nhiệm vụ và ký giao ước thi đua năm 2019; Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2019. Đã ban hành văn bản về việc xây dựng KH kiểm tra CCHC của tỉnh năm 2019,...

## **4. Công tác dân tộc tôn giáo**

- Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo; hướng dẫn chức sắc, tổ chức tôn giáo, các điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật; Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền triển khai thực hiện Luật tôn giáo và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo các cấp; tiếp tục rà soát, đăng ký hoạt động các điểm nhóm tôn giáo theo quy định. Chủ động phòng ngừa, làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch.

- Đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác QLNN về tôn giáo năm 2019; Văn bản hướng dẫn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý và hướng dẫn Ban trị sự Phật giáo tỉnh Điện Biên tổ chức Lễ hội Phật giáo mùa Hoa ban lần thứ 5 năm 2019 và kỷ niệm 5 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Điện Biên. Giám sát việc Hội thánh Tin lành Việt nam Miền Bắc tổ chức lớp bồi dưỡng giáo lý và mục vụ cho các trưởng, phó nhóm, chấp sự, nhận sự thuộc Hội thánh Tin lành Việt nam (Miền Bắc) trong tỉnh Điện Biên

## **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Trong bối cảnh có những thuận lợi nhưng cũng còn không ít khó khăn thách thức. Được sự quan tâm của Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện

của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã triển khai và tổ chức thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 theo đúng tinh thần Nghị quyết của Chính Phủ và giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019 của UBND tỉnh, bước đầu đã đạt được kết quả tích cực, phần lớn các chỉ tiêu kinh tế đều tăng so với cùng kỳ năm trước; Các mặt văn hóa xã hội tiếp tục có sự chuyển biến tiến bộ, tổ chức thành công Lễ hội Hoa Ban 2019 với nhiều hoạt động như: Giao lưu thi đấu các môn thể thao các dân tộc; Trình diễn nghi thức sinh hoạt văn hóa dân gian các dân tộc; Liên hoan dân ca, dân vũ, nhạc cụ các dân tộc; Trưng bày, quảng bá sản phẩm du lịch; Thi xe đạp thồ và tải đạn. Đặc biệt, nét mới trong Lễ hội năm nay, Ban tổ chức đã tổ chức “Phiên chợ vùng cao” nhằm tái hiện lại chợ phiên vùng cao của đồng bào các dân tộc vùng Tây Bắc, phác họa chân thật không gian văn hóa, sinh hoạt truyền thống của các dân tộc; Quốc phòng an ninh được đảm bảo, trật tự xã an toàn xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại hạn chế và nguyên nhân cụ thể như sau:

### **1. Tồn tại hạn chế**

- Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội dự ước quý I/2019 đạt được còn thấp ở mức dưới 30% kế hoạch năm như: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (đạt 23,7% so với kế hoạch); Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (đạt 23,39% kế hoạch); chi thường xuyên (đạt 23,13%); thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (đạt 26,48% kế hoạch),...

- Kêu gọi, thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế chưa đạt mục tiêu đề ra, phát sinh nhiều vướng mắc, bất cập, chậm trễ trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là khâu hoàn thiện thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, triển khai các chương, trình dự án.

- Sản xuất Nông lâm nghiệp: Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết diễn biến thất thường đã gây thiệt hại sản xuất nông nghiệp và nhà ở của nhân dân; một số cây trồng: lúa, rau, cây ăn quả, công nghiệp... phát sinh dịch bệnh và sinh vật gây hại. Trên động vật, bệnh Tụ huyết trùng, Lở mồm long móng... đã xảy ra rải rác trên địa bàn các huyện, tuy nhiên không gây ra thiệt hại lớn; bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại 4 xã của huyện Tuần Giáo (Mùn Chung, Mường Mùn, Ta Ma, Rạng Đông) và 1 xã của huyện Mường Ảng (Xã Búng Lao).

- Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 tháng tuổi đến dưới 36 tháng tuổi ra lớp toàn tỉnh chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch giao. Nguyên nhân chủ yếu do thiếu giáo viên. Tuyển sinh chính quy vào các trường cao đẳng không đủ chỉ tiêu, một số ngành không tuyển sinh được. Nguyên nhân do nhu cầu tuyển dụng của tỉnh hạn chế, sinh viên ra trường không tìm được việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

- Tỷ lệ hộ nghèo tuy giảm song chưa bền vững, số hộ cận nghèo có nguy cơ tái nghèo cao. Hiệu quả công tác cai nghiện ma túy thấp. Công tác truyền thông phòng, chống dịch bệnh, triển khai các mục tiêu chương trình y tế còn khó khăn.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định. Tình hình dân di cư tự do, tuyên truyền đạo trái pháp luật, tuyên truyền lập

"Nhà nước Mông", mua bán, vận chuyển các chất ma túy vẫn diễn biến phức tạp.

## **2. Nguyên nhân**

- Tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp, tình trạng xuất nhập cảnh trái phép vẫn tiếp diễn, nhất là tuyến biên giới Việt - Trung; tình trạng di cư tự do diễn biến phức tạp, tội phạm về ma túy ngày càng nghiêm trọng và manh động hơn cả về loại hình tội phạm và số lượng tang vật.

- Công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư với các ngành chức năng trong thẩm định phê duyệt triển khai thực hiện dự án đầu tư chậm, chưa chặt chẽ, dẫn đến kế hoạch vốn không thực hiện được phải kéo dài năm sau, làm giảm hiệu quả vốn đầu tư của nhà nước.

- Công tác quản lý thông tin, báo chí trên địa bàn và công tác phối hợp của cơ phát thanh truyền hình, báo chí của tỉnh với các cơ quan thông tin, báo chí của Trung ương chưa được chặt chẽ; dẫn đến tình trạng còn lợi dụng danh nghĩa báo chí để sách nhiễu, gây phiền hà cho cơ quan, tổ chức; một số cơ quan, đơn vị chưa làm tốt công tác phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí dẫn đến thông tin trên báo chí còn thiếu khách quan, đánh giá phiến diện một chiều, không mang tính xây dựng.

## **PHẦN II**

### **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG TÂM QUÝ II- NĂM 2019**

Các sở, ngành, địa phương tiếp tục tập trung nghiên cứu, quán triệt, chỉ đạo quyết liệt có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ và thực hiện đồng bộ có hiệu quả 08 nhiệm vụ trọng tâm, 08 nhóm giải pháp chủ yếu đã được đề ra trong Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách năm 2019, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra, tập trung chuẩn bị tốt các nội dung cho kỳ họp chuyên đề và kỳ họp giữa năm 2019 của HĐND tỉnh, trong đó cần tập trung vào một số nhiệm vụ giải pháp sau:

#### **1. Về sản xuất nông, lâm nghiệp**

Tập trung chỉ đạo công tác chăm sóc và tăng cường các biện pháp phòng trừ dịch bệnh trên diện tích lúa vụ đông xuân, cây công nghiệp, cây ăn quả,... khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đảm bảo khâu thu mua, chế biến, tiêu thụ nông sản cho người dân; chuẩn bị các điều kiện cho sản xuất vụ mùa, nhất là đối với việc cung ứng giống, vật tư nông nghiệp cần thiết phục vụ sản xuất. Đảm bảo an toàn hồ chứa và công trình thủy lợi trong mùa mưa năm 2019.

Tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trên toàn tỉnh. Tập trung triển khai thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng theo kế hoạch để tăng độ che phủ; tiếp tục triển khai kế hoạch trồng

rừng năm 2019. Tập trung triển khai thực hiện kế hoạch phát triển cây cà phê; duy trì quản lý, chăm sóc diện tích cây cao su, cây chè hiện có. Tổ chức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018 cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển đàn gia súc, gia cầm gắn với việc phòng trừ dịch bệnh. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát dịch bệnh, chủ động bố trí cán bộ bám sát địa bàn, phát hiện các trường hợp động vật mắc, nghi mắc bệnh, nhất là đối với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi để xử lý kịp thời. Tuyên truyền pháp luật về thú y và hướng dẫn người chăn nuôi các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh, tiêu độc khử trùng, chăn nuôi an toàn sinh học.

## **2. Về sản xuất công nghiệp - xây dựng**

Đẩy nhanh việc xây dựng chương trình phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; chú trọng triển khai các Nghị quyết của Chính phủ về thực hiện mạnh mẽ các đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

## **3. Về tài chính - thương mại**

Thực hiện hoàn thành quyết toán ngân sách năm 2018 theo quy định; tiến hành việc kiểm soát chi theo dự toán giao kế hoạch năm 2019. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 01/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 của Chính phủ để quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh, xã hội.

## **4. Về đầu tư phát triển và thu hút đầu tư**

Tăng cường kiểm tra thực tế hiện trường khi tiến hành thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định dự án đảm bảo quy mô đầu tư phù hợp với thực tế, tiết kiệm, nâng cao hiệu quả đầu tư. Tăng cường công tác giám sát và đánh giá đầu tư, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án theo kế hoạch vốn không để phát sinh thêm khối lượng gây nợ đọng xây dựng cơ bản; Các đơn vị chủ đầu tư kiểm soát chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án, kế hoạch vốn bố trí đến đâu thực hiện đến đó, không để phát sinh thêm khối lượng gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu thanh toán và giải ngân các chương trình, dự án theo tiến độ, kế hoạch giao. Chủ động rà soát tiến độ, kế hoạch vốn đã giao của các chương trình, dự án đang triển khai; trên cơ sở đó, thực hiện thu hồi, dừng triển khai đối với các dự án không đảm bảo tiến độ, hiệu quả để điều hòa, phân bổ kế hoạch vốn cho các công trình đảm bảo tiến độ, tập trung ưu tiên cho các công trình đã có khối lượng hoàn thành, các dự án tiếp chi để hạn chế nợ đọng xây dựng cơ bản, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn được giao.

- Làm tốt công tác chuẩn bị để làm cơ sở thu hút, theo đúng định hướng và có chọn lọc, chú trọng chất lượng dự án; tiếp tục kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đồng thời tập trung tháo gỡ khó khăn cho các dự án phát triển nông, lâm nghiệp đã được đầu tư trên địa bàn. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu, tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm để thúc đẩy sản xuất và tăng giá trị xuất khẩu của tỉnh và tập trung vào các giải pháp để thực hiện thu hút đầu tư vào công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp sản xuất, chế biến.

**5. Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện các dự án trọng điểm gồm:**  
Dự án bổ sung đoạn tuyến từ Đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua (Đường 60m; Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m; Đề án Ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La; Đề án sắp xếp, ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé; Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững; Đường Na Sang (Km146+200/QL.12) - TT xã Huổi Mí - Pú Xi - Nậm Mực (Km450/QL.6) - Km456/QL.6 - Thị trấn Tủa Chùa - Huổi Lóng, tỉnh Điện Biên (Phân đoạn TT. Tủa Chùa - Nậm Mực - Huổi Mí).

**6. Lĩnh vực văn hoá - xã hội:** Tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 110 năm ngày thành lập tỉnh (28/6/1909- 28/6/2019), 70 năm ngày thành lập Đảng bộ tỉnh (10/10/1949-10/10/2019) và 65 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954- 07/5/2019).

- Giáo dục và đào tạo: Tiếp tục thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục các cấp năm học 2018-2019 theo kế hoạch; tổ chức tốt các kỳ thi đánh giá chất lượng các cấp cuối năm học và kỳ thi THPT quốc gia năm 2019.

- Y tế: Chủ động triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh mùa hè; phát hiện sớm và xử trí kịp thời các loại dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra. Tiếp tục duy trì, kiểm tra, giám sát về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Văn hóa: Thực hiện tốt kế hoạch tuyên truyền và tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn toàn tỉnh.

**7. Công tác thanh tra, tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền, thi đua khen thưởng**

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung vào khâu cải cách thủ tục hành chính. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ trong toàn tỉnh; triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, thanh tra, tư pháp và phòng chống tham nhũng năm 2019. Đẩy mạnh công tác xây dựng củng cố chính quyền trong sạch, vững mạnh; công tác dân vận của cơ quan nhà nước; Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối với tất cả loại hình cơ sở. Chuẩn bị các nội dung để công bố chỉ số cải cách hành chính cấp Sở, ngành; cấp huyện năm 2018; Triển khai điều tra xác định chỉ số cải cách hành chính của Tỉnh năm 2018.

**8. Công tác dân tộc, tôn giáo**

Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh và Ban chỉ đạo 160 của tỉnh triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh về công tác tôn giáo; hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác quản lý đối với đạo Tin lành theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; phối hợp với ban tôn giáo Chính phủ mở lớp tập huấn về tình hình tôn giáo; Bên cạnh đó triển khai Luật tín ngưỡng tôn giáo và tăng cường công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn tổ chức tôn giáo, các điểm nhóm sinh hoạt, hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật,...

## 9. Về quốc phòng - an ninh và đối ngoại

Tiếp tục tăng cường củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động quân sự - quốc phòng; củng cố, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương trong tình hình mới.

Chủ động nắm tình hình an ninh trên tuyến biên giới, an ninh chính trị nội bộ, kịp thời phối hợp phát hiện và ngăn chặn các âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trên tuyến biên giới, nội địa; các hoạt động có liên quan đến lợi dụng dân tộc, tôn giáo, các hoạt động xâm nhập của các đối tượng hoạt động phi, phản động lưu vong qua lại biên giới Việt Nam - Lào, hoạt động tuyên truyền “Nhà nước Mông”.

Tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào. Duy trì quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác xúc tiến với các địa phương của tỉnh Vân Nam - Trung Quốc; mở rộng quan hệ với các tỉnh Đông Bắc Thái Lan và các tổ chức quốc tế.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đảm bảo tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách trong nước, quốc tế đến thăm, làm việc tại tỉnh; đảm bảo an toàn cho nhân dân và du khách tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí nhân dịp kỷ niệm 65 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, 110 năm thành lập tỉnh và 70 năm thành lập Đảng bộ tỉnh.

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội và quốc phòng, an ninh trong quý I - năm 2019 và một số nhiệm vụ trọng tâm của quý II - năm 2019 tỉnh Điện Biên./2

### Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
  - Bộ Tài chính;
  - Ban Chỉ đạo Tây Bắc;
  - TT Tỉnh ủy;
  - TT HĐND tỉnh;
  - LĐ UBND tỉnh;
  - Đoàn ĐBQH tỉnh;
  - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
  - UBND các huyện, TX, TP;
  - LĐ Văn phòng, CV các khối;
  - Lưu: VT, TH.
- } (B/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2019, DỰ KIẾN MỤC TIÊU NHỮNG THÁNG CÒN LẠI NĂM 2019



theo Báo cáo số: 94/BC-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Ước TH tháng 3/2019	Lũy kế Quý I năm 2019	Tháng 3/2019 so với tháng 3/2018	Lũy kế Quý I năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018	Dự kiến mục tiêu đến Quý tiếp theo Năm 2019				Ghi chú	
								Đến Quý II	Đến Quý III	Cả năm	Mục tiêu cả năm 2019 so với Ước TH		
1	<b>MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐIỀU HÀNH VĨ MÔ</b>												
1	<b>Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)</b>												
-	So với tháng 12 năm trước năm báo cáo	%											
-	So với cùng kỳ năm trước năm báo cáo	%											
-	CPI bình quân so với bình quân cùng kỳ năm trước năm báo cáo	%				103,46	103,47	101,88	102,70	103,01	0,17		
2	<b>Cân đối ngân sách nhà nước</b>												
a)	<b>Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW)</b>	Tỷ đồng	1.196,40	110,37	256,26		107,32	599,50	892,30	1.205,26	105,31		
	Trong đó:												
-	Thu nội địa	Tỷ đồng	1.150,00	109,0	246,9		108,90	560,60	851,40	1.158,00	106,10		
-	Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	9,00	1,3	8,87			4,50	6,50	9,86	70,43		
b)	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	Tỷ đồng	9.116,24	866,80	1.832,41	105,32		4.601,69	6.876,88	9.377,39	100,19		
	Trong đó:												
-	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	Tỷ đồng	1.929,89		239,11			984,35	1.608,43	2.084,70	96,33		
	Trong đó:												
+	Vốn cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	739,12					345,17	533,55	768,23	93,38		
+	Đầu tư theo các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia từ ngân sách Trung ương	Tỷ đồng	1.190,77					689,18	1.074,88	1.316,47	98,14		
-	Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương và tính gián biên chế)	Tỷ đồng	6.600,68	663,63	1.438,92			3.267,34	4.900,54	6.707,02	103,49		
3	<b>Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn</b>	Tỷ đồng	11.838,88	627,39	1.808,62	123,46	116,61	5.224,63	8.449,25	11.838,88	115,64		
4	<b>Vốn đầu tư có yếu tố nước ngoài</b>												
a)	<b>Vốn thực hiện</b>	Triệu USD	3,09		0,30			1,00	2,05	3,09	2.566,04		
-	Đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu USD	3,09		0,30			1,00	2,05	3,09	2.566,04		

-	Đầu tư qua góp vốn, mua cổ phần	Triệu USD								
b)	<b>Vốn đăng ký</b>	<b>Triệu USD</b>								
-	Đăng ký cấp mới	Triệu USD								
-	Đăng ký tăng thêm	Triệu USD								
-	Góp vốn, mua cổ phần	Triệu USD								
c)	<b>Số dự án</b>									
-	Cấp mới	Dự án	1,00					1,00	100,0	
-	Tăng vốn	Lượt dự án								
-	Góp vốn, mua cổ phần	Lượt dự án								
II	<b>Tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn tính, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) (Theo giá so sánh năm 2010)</b>	%	7,20	6,35		7,08	7,10	7,20	0,05	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	4,78	104,36		4,36		4,78		Chỉ đạt mục tiêu 6 tháng và cả năm phù hợp với chu kỳ tính toán và công bố của Tổng cục Thống kê
-	Công nghiệp và xây dựng	%	8,05	106,70		7,58		8,05		
-	Dịch vụ	%	7,88	106,56		7,07		7,88		
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	4,79	106,77		4,20		4,79		
III	<b>CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN</b>									
I	<b>Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>									
a)	<b>Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng		1.219,87		2.958,23	4.233,48	5.760,64	105,54	
	GTSX nông nghiệp	Tỷ đồng		1.071,00		2.692,91	3.815,00	5.111,00	105,52	
	GTSX lâm nghiệp	Tỷ đồng		86,51		168,41	275,61	450,82	105,27	
	GTSX thủy sản	Tỷ đồng		62,36		96,91	142,86	198,82	106,53	
b)	<b>Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh 2010)</b>	Tỷ đồng	3.987,85	856,00		2.078,62	2.975,54	3.998,85	104,79	
	GTSX nông nghiệp	Tỷ đồng		750,34		1.892,00	2.684,00	3.551,34	102,93	
	GTSX lâm nghiệp	Tỷ đồng		63,22		120,36	195,12	312,25	128,00	
	GTSX thủy sản	Tỷ đồng		42,44		66,27	96,42	135,26	110,80	
				-		-	(0,00)	0,00		
2	<b>Một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu</b>									
a)	Lúa cả năm									
-	Năng suất	Tạ/ha	36,27			59,17		36,27	0,82	
-	Sản lượng	Tấn	185.697,25			55.207,11		185.697,25	0,58	
b)	Ngô									
-	Năng suất	Tạ/ha	26,94	26,94		26,94	26,94	26,94	1,40	

- Sản lượng	Tấn	79.131,34		353,53				76.485,53	79.039,02	81.497,73	3,23
c) Một số cây lâu năm:											
- Chè búp											
- Năng suất	Tạ/ha	1,34		0,65				1,42	1,92	2,56	102,12
- Sản lượng	Tấn	80,00		21,00				45,90	66,80	80,00	5,82
- Năng suất	Tạ/ha	17,33							18,10	18,10	4,14
- Sản lượng	Tấn	6.921,90							1.210,80	6.962,50	2,21
- Cao su											
- Năng suất	Tạ/ha							2,97	4,35	7,23	
- Sản lượng	Tấn							287,07	642,57	1450	43,59
d) Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu											
- Trâu	Con	130.754		131.687		103,14	129.497,00	130.255,00	131.254,00		2,03
- Bò	Con	71.337		70.451		108,07	65.332,00	68.302,00	71.337,00		4,23
- Lợn	Con	404.707		408.958		104,24	398.185,00	401.331,00	404.707,00		5,29
- Gia cầm	1000 con	4.077		4.226		107,00	3.807,97	3.924,63	4.147,18		8,02
<b>3 Lâm nghiệp</b>											
- Diện tích rừng trồng tập trung	Ha	1.016,40							1.016,40	1.016,40	(34,09)
- Tỷ lệ che phủ rừng	%	40,31								40,31	0,57
<b>4 Thủy sản</b>											
- Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	3.281,45		788,42		107,16	1.581,89	2.374,76	3.293,49		7,30
- Trong đó:											
- Sản lượng khai thác thủy sản	Tấn	258,46		60,25		100,35	130,81	187,18	270,50		7,55
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	Tấn	3.023,0		728,17		107,77	1.451,08	2.187,58	3.022,99		7,28
<b>IV CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP</b>											
<b>1 Giá trị sản xuất công nghiệp</b>	<b>Tỷ đồng</b>										
a) Giá trị sản xuất Công nghiệp trên địa bàn theo giá thực tế	Tỷ đồng			937,66			1.869,46	3.122,20	4.381,26		14,17
<i>Phân theo ngành công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>										
- Công nghiệp khai thác mỏ	Tỷ đồng			48,45			109,51	187,66	240,06		15,58
- Công nghiệp chế biến	Tỷ đồng			756,64			1.489,70	2.417,95	3.318,69		14,29
- Sản xuất, phân phối điện	Tỷ đồng			111,85			231,44	452,15	716,01		11,46
- Cung cấp nước, xử lý rác thải	Tỷ đồng			20,73			38,80	64,45	106,51		27,24
b) Giá trị sản xuất Công nghiệp trên địa bàn theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	3.070,00		695,48			1.414,77	2.136,37	3.072,00		13,05
<i>Phân theo ngành công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>										
- Công nghiệp khai thác mỏ	Tỷ đồng	135,00		28,85			74,33	108,37	155,96		13,70
- Công nghiệp chế biến	Tỷ đồng	2.423,00		594,79			1.126,37	1.619,62	2.370,89		12,72
- Sản xuất, phân phối điện	Tỷ đồng	460,00		56,69			185,95	369,78	489,32		12,65

	- Cung cấp nước, xử lý rác thải	Tỷ đồng	52,00		15,15			28,13	38,60	52,83	23,95
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (tính theo năm gốc 2010)	%			108,92	107,88	109,61	108,36	109,28	113,86	1,04
	Trong đó:										
-	Công nghiệp khai khoáng	%			106,53	100,26	101,28	106,05	106,12	105,12	0,81
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	%			107,82	106,84	107,00	108,51	109,16	111,75	2,73
-	Sản xuất và phân phối điện	%			115,20	114,29	120,54	116,35	118,65	128,05	(0,89)
-	Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	%			103,95	106,62	103,82	105,50	106,85	106,60	0,61
3	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu										
-	Than đá (than cứng) các loại	Tấn	7.000,00	361	837	53,48	52,39	3.455,00	5.208,00	7.000,00	8,63
-	Đá xây dựng khác	M <sup>3</sup>	700.000,00	66.608	184.722	104,13	113,36	377.900,00	552.245,00	738.051,00	0,32
-	Thức ăn cho gia cầm	Tấn	1.100,00	30	91	62,50	83,47	516,00	732,00	1.020,00	43,06
-	Trang in offset	Triệu trang	2.300,00	31,00	92	105,95	101,15	1.126,00	1.756,00	2.300,00	2,68
-	Xi măng Portland đen	Tấn	270.000,00	25.000	68.580	106,16	110,70	119.536,00	197.591,00	270.000,00	2,21
-	Điện sản xuất	Triệu Kwh	522,00	20	70,00	111,90	121,06	218,00	393,00	522,00	1,95
-	Điện thương phẩm	Triệu Kwh		22	65	134,63	116,43	120,00	179,00	240,00	1,27
-	Nước uống được	1000 M <sup>3</sup>		722	2.140	109,44	103,73				
-	Nước không uống được	1000 M <sup>3</sup>	8.700,00	2.090	6.169	108,41	105,01	4.480,00	6.709,00	8.750,00	0,09
-	Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Triệu đồng	25.890,76	510,0	1.513,00	109,44	103,73	12.128,00	18.607,00	25.897,00	4,50
V	CÁC CHỈ TIÊU XÂY DỰNG										
1	Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá thực tế										
	Tổng số	Tỷ đồng			1.362,82			2.919,93	5.115,59	7.496,01	7,90
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng									
	Nhà nước	Tỷ đồng									
	Ngoài Nhà nước	Tỷ đồng			872,80			1.850,63	3.312,28	4.962,35	3,83
	Khu vực đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng									
	Loại hình khác	Tỷ đồng			490,02			1.069,29	1.803,32	2.533,66	16,87
	+Xã, phường	Tỷ đồng			2,24			6,12	10,46	18,20	9,92
	+ Hộ dân cư	Tỷ đồng			487,78			1.063,17	1.792,86	2.515,46	16,93
2	Giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá so sánh	Tỷ đồng									
	Tổng số	Tỷ đồng			962,13			2.081,33	3.644,49	5.336,59	8,10
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng									
	Nhà nước	Tỷ đồng									
	Ngoài Nhà nước	Tỷ đồng			616,73			1.320,86	2.362,17	3.501,48	3,10

	Khu vực đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng									
	Loại hình khác	Tỷ đồng									
	+Xã, phường	Tỷ đồng						345,41			
	+ Hộ dân cư	Tỷ đồng						1,60			
		Tỷ đồng						760,47	1.282,32	1.835,11	19,12
		Tỷ đồng						4,33	7,57	13,06	11,01
		Tỷ đồng						343,80	756,15	1.274,75	1.822,05
		Tỷ đồng									19,19
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU DỊCH VỤ</b>										
<b>1</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (theo giá hiện hành)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>12.760,0</b>		<b>2.936,17</b>			<b>6.288,40</b>	<b>9.376,85</b>	<b>12.760,00</b>	<b>14,52</b>
<b>2</b>	<b>Vận tải hành khách và hàng hoá</b>										
-	Khối lượng hàng hoá vận chuyển	Nghìn tấn	3.750,0	355,4	1.039,1	120,2	119,9	2.009,91	3.110,93	4.022,03	10,00
-	Khối lượng hàng hoá luân chuyển	Nghìn tấn.Km	170.000,0	16.229,3	47.028,8	120,3	120,7	85.142,04	130.918,90	182.960,50	14,00
-	Số lượt hành khách vận chuyển	Nghìn HK	1.800,0	186,0	540,9	120,6	123,9	975,19	1.329,15	1.800,00	19,85
-	Số lượt hành khách luân chuyển	Nghìn HK.Km	330.000,0	34.165,9	100.802,1	120,2	122,9	167.378,38	246.061,11	330.000,00	13,50
<b>3</b>	<b>Du lịch</b>										
-	Số lượt khách quốc tế	Nghìn lượt người	173,0		40,00			99,00	140,00	173,00	14,57
-	Số lượt khách trong nước	Nghìn lượt người	657,0		150,00			430,00	580,00	657,00	18,59
<b>VII</b>	<b>XUẤT NHẬP KHẨU</b>										
<b>I</b>	<b>Xuất khẩu</b>										
<b>a</b>	<b>Tổng trị giá</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>50,00</b>		<b>13,50</b>		<b>131,07</b>	<b>19,00</b>	<b>34,00</b>	<b>50,00</b>	<b>13,64</b>
<b>b</b>	<b>Một số mặt hàng chủ yếu</b>										
	Sắt thép + xi măng	Triệu USD									
<b>2</b>	<b>Nhập khẩu</b>										
<b>a</b>	<b>Tổng giá trị</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>33,00</b>		<b>7,70</b>		<b>143,93</b>	<b>11,00</b>	<b>22,00</b>	<b>33,00</b>	<b>43,48</b>
	Trong đó										
	Khu vực kinh tế trong nước	Triệu USD	33,00		5,00			11,00	22,00	33,00	43,48
<b>b</b>	<b>Một số mặt hàng chủ yếu</b>	<b>Triệu USD</b>									
	Gỗ và sản phẩm gỗ	Triệu USD									
	Máy móc, thiết bị thủy điện	Triệu USD									
	Hàng hóa khác	Triệu USD									

Ghi chú: (\*) Chỉ tiêu dự báo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, không mang tính pháp lệnh, có thể được cập nhật, điều chỉnh phụ thuộc vào diễn biến thực tế của nền kinh tế.